|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH NGHỆ AN  **SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT**  Số: /TTr-SNN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Nghệ An, ngày tháng năm 2023* |

**“Dự thảo”**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ cho chủ rừng để thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;*

*Căn cứ Công văn số 58/HĐND-TT ngày 9/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ cho chủ rừng để thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Nghệ An;*

*Thực hiện Công văn số 1570/UBND-NN ngày 09/3/3023 của UBND tỉnh về việc thực hiện xây dựng bước 2 Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho chủ rừng để thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Nghệ An,*

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình UBND tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ cho chủ rừng để thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Nghệ An, cụ thể như sau:

**1. Sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết**

- Theo Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng, toàn tỉnh hiện có 1.160.242,4 ha quy hoạch theo chức năng 3 loại rừng. Bao gồm: Rừng đặc dụng 172.361,7 ha, chiếm 14,9%; rừng phòng hộ 365.414,2 ha, chiếm 31,5%; rừng sản xuất 622.466,5 ha, chiếm 53,6%.

- Theo kết quả cập nhật diễn biến tài nguyên rừng năm 2022, diện tích rừng hiện có trên địa bàn tỉnh là 1.014075,06 ha. Bao gồm:Rừng đã thành rừng là 962.230,49 ha (rừng tự nhiên 789.933,97 ha, rừng trồng 172.296,52 ha); rừng trồng chưa thành rừng 51.844,57 ha. Độ che phủ rừng đạt 58,36%. Là tỉnh có diện tích rừng lớn nhất cả nước.

- Hiện nay, diện tích rừng và đất lâm nghiệp đang được tổ chức quản lý bởi các loại hình chủ rừng như sau:

(1) Các chủ rừng có lượng lượng kiểm lâm trực thuộc (Vườn Quốc gia Pù Mát và 2 Khu bảo tồn thiên nhiên: Pù Huống và Pù Hoạt) được giao quản lý 277.435,64 ha chiếm 18,0% diện tích rừng và đất lâm nghiệp toàn tỉnh. Trong đó: Rừng đặc dụng 168.571,42 ha; rừng phòng hộ 56.134,96 ha; rừng sản xuất 2.729,56 ha.

(2) Có 19 chủ rừng là tổ chức nhà nước được tổ chức lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, được giao quản lý, bảo vệ với tổng diện tích 427.698,67 ha, chiếm 35,0% diện tích rừng và đất lâm nghiệp cả tỉnh. Trong đó: Rừng đặc dụng 2.995,97 ha; rừng phòng hộ: 293.115,08 ha; rừng sản xuất 121.153,51 ha; rừng và đất ngoài quy hoạch ba loại rừng 10.434,11ha.

(3) Các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, UBND các xã hiện đang quản lý 550.625,85 ha, chiếm 44,0% diện tích rừng và đất lâm nghiệp toàn tỉnh. Trong đó: Rừng đặc dụng 1.105,95 ha; rừng phòng hộ 15.482,37 ha; rừng sản xuất 474.901,54 ha; rừng và đất ngoài quy hoạch ba loại rừng 58.696,32 ha.

(4) Chủ rừng là lực lượng vũ trang, tổ chức kinh tế khác được giao quản lý 31.999,31 ha chiếm 3,0 % diện tích rừng và đất lâm nghiệp toàn tỉnh.

- Cơ chế, chính sách về quản lý, bảo vệ rừng hiện nay được thực hiện chủ yếu thông qua khoán, hỗ trợ bảo vệ rừng với bên giao khoán là các chủ rừng là tổ chức và UBND cấp xã. Bên nhận khoán là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn. Chính sách về hỗ trợ công tác bảo vệ rừng được thực hiện chủ yếu cho hộ gia đình, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao diện tích rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên thuộc các xã khu vực II, khu vực III (thực hiện theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP và Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ).

- Tổng hợp nguồn kinh phí huy động được đầu tư cho công tác quản lý bảo vệ rừng giai đoạn 2016-2021 là 516.368,76 triệu đồng. Bao gồm: Từ Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững 186.270,83 triệu đồng chiếm 36,07%; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Chương trình 30a): 36.595,38 triệu đồng chiếm 7,09 %; Từ nguồn vốn chi trả dịch vụ môi trường rừng: 293.502,55 triệu đồng chiếm 56,84 %.

Trong đó, hỗ trợ để thực hiện giao khoán bảo vệ rừng (các đối tượng nhận khoán được hưởng kinh phí) là 314.983,13 triệu đồng, chiếm 61% tổng vốn huy động được, đầu tư cho 1.267.934,37 lượt ha (bình quân mỗi ha được hỗ trợ hơn 250.000 đồng/ha/năm; mỗi năm bình quân khoảng 211.322 ha). Hỗ trợ cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của 19 chủ rừng nhà nước 201.385,63 triệu đồng, chiếm 39% tổng vốn huy động được đầu tư cho 1.133.973,18 lượt ha, (bình quân mỗi ha được hỗ trợ hơn 180.000 đồng/ha/năm; mỗi năm bình quân khoảng 188.995 ha/427.698,67 ha được giao cho quản lý, đạt 44%).

Trong 2 năm 2021 và 2022 nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững được Trung ương bố trí 88.056 triệu đồng, không đủ nhu cầu và bố trí muộn (Nguồn vốn năm 2021, đến tháng 7/2021 mới được cấp, nguồn vốn năm 2022 đến tháng 12 năm 2022 mới được thông báo cấp bổ sung), cụ thể: Đã hỗ trợ thực hiện cộng tác bảo vệ rừng 76.098,51 triệu đồng cho 456.268,47 lượt ha (bình quân mỗi ha chỉ đảm bảo hơn 170.000 đồng/ha/năm); hỗ trợ các hoạt động khác thuộc nội dung hoạt động của Chương trình 11.957,49 triệu đồng.

- Định mức đơn giá hỗ trợ kinh phí giao khoán bảo vệ rừng theo quy định hiện nay có sự khác nhau giữa các đối tượng nhận khoán bảo vệ rừng, các loại rừng được giao khoán cụ thể: Đối với hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo, cộng đồng dân cư thôn đang sinh sống ổn định tại các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi mức khoán là 400.000 đồng/ha/năm; Mức khoán khoán bình quân chung cho các đối tượng là 300.000 đồng/ha/năm; Mức khoán bảo vệ rừng ven biển bằng 1,5 lần mức khoán bình quân chung 450.000 đồng/ha/năm.

- Qua rà soát 19 chủ rừng, hiện nay diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất là rừng tự nhiên do lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng đang trực tiếp quản lý bảo vệ nhưng chưa được bố trí nguồn kinh phí quản lý bảo vệ hoặc đã được bố trí nhưng đơn giá thấp khoảng 136.166,88 ha. *(Một số chủ rừng có diện tích rừng tự nhiên nằm trong các lưu vực của các nhà máy thủy điện nhưng do công suất của nhà máy nhỏ hoặc diện tích lưu vực rộng nên đơn giá được hưởng chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng rất thấp, chưa đủ định mức của nhà nước quy định).*

- Tại khoản 1 Điều 41 Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định: Ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ nơi không thành lập kiểm lâm; doanh nghiệp nhà nước, tổ chức không thuộc lực lượng vũ trang được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng và đất rừng được tổ chức lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng.

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 19 chủ rừng được tổ chức lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng với tổng số lao động đang quản lý 955 người. Bao gồm: Thuộc biên chế viên chức là 172 người chỉ chiếm 17%; hợp đồng dài hạn theo diện tự trang trải là 658 người chiếm 66%; hợp đồng thời vụ ngắn hạn là 159 người chiếm 16%; hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ là 6 người chiếm 1,0%.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng đã được quy định rõ tại Điều 14, Nghị định số 01/2019/NĐ-CP của Chính phủ với 6 nhiệm vụ cơ bản như sau: Tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng, đất rừng quy hoạch cho lâm nghiệp; thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi phá rừng, lấn chiếm rừng, khai thác lâm sản và các hành vi vi phạm pháp luật khác về quản lý, bảo vệ rừng thuộc phạm vi diện tích được giao; Tổ chức thực hiện phương án, biện pháp phòng cháy và chữa cháy rừng; phối hợp tuyên truyền, vận động nhân dân trong khu vực tham gia bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng; Kịp thời báo cáo với chủ rừng và cơ quan kiểm lâm về tình hình bảo vệ rừng; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của chủ rừng và kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan kiểm lâm; chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong khi làm nhiệm vụ; kiểm tra, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản; lập biên bản kiểm tra ban đầu, bảo vệ hiện trường, bảo quản tang vật vi phạm, kịp thời báo cáo với người, cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; được sử dụng công cụ hỗ trợ, đồng phục, phương tiện, thiết bị chuyên dụng theo quy định của pháp luật.

Như vậy, có thể khẳng định lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng là lực lượng nòng cốt giúp chủ rừng thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, vừa là lực lượng trực tiếp tuần tra, kiểm tra bảo vệ và phát triển rừng, vừa tuyên truyền vận động nhận dân, hộ nhận khoán bảo vệ rừng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng. Do đó, chủ rừng sẽ không thể tổ chức quản lý, bảo vệ rừng nếu không tổ chức được lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

Nguồn kinh phí để đảm bảo thu nhập cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng từ trước đến nay chủ yếu do các chủ rừng sử dụng nguồn vốn được hỗ trợ bảo vệ rừng từ các chương trình dự án, nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng và được thực hiện thông qua hợp đồng giao khoán trên cơ sở hạn mức và định mức kinh phí giao khoán hàng năm. Tuy nhiên, phần đa các chủ rừng đều chưa được bố trí đủ kinh phí trên diện tích rừng được giao. Mặt khác, định mức hỗ trợ để giao khoán chưa được quy định cụ thể, thường thấp và thiếu ổn định. Vì vậy các chủ rừng không cân đối được nguồn thu để đảm bảo cho việc duy trì hoạt động của lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách.

Thời gian qua tình trạng bỏ việc và xin thôi việc của lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của các chủ rừng trên địa bàn tỉnh đang có chiều hướng gia tăng. Thống kê trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2022 đã có 130 lao động xin thôi việc, nghỉ việc, trong đó riêng năm 2022 đã có 12 người xin thôi việc, nghỉ việc, bộ phận còn lại thì chưa thật sự an tâm công tác và gắn bó với nghề.

Yêu cầu công tác quản lý bảo vệ rừng ngày càng cao, công tác phòng chống nạn khai thác, chặt phá rừng trái phép ngày càng phức tạp. Tổng diện tích quản lý của 19 chủ rừng nhà nước tương đối lớn (chiếm 35,0% diện tích rừng và đất lâm nghiệp cả tỉnh) và tập trung tại các khu rừng trọng điểm, giàu tài nguyên có mức độ đa dạng sinh học cao. Vì vậy, cần hỗ trợ đủ kinh phí khép kín diện tích được giao cho các chủ rừng để các chủ rừng có kinh phí bố trí và đảm bảo đời sống cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, để thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng diện tích rừng được giao.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cho chủ rừng nhà nước để góp phần thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Nghệ An trong giai đoạn tới là hết sức cần thiết.

**2. Cơ sở pháp lý ban hành Nghị Quyết**

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

**3. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Căn cứ các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, các Nghị định: Số [34/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-34-2016-nd-cp-quy-dinh-chi-tiet-bien-phap-thi-hanh-luat-ban-hanh-van-ban-quy-pham-phap-luat-312070.aspx) ngày 14/5/2016, Số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức xây dựng dự thảo Nghị quyết cụ thể:

1. Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết đã được UBND tỉnh Thông qua tại Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 15/2/2023 của UBND tỉnh về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cho chủ rừng để thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Nghệ An đống thời Trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 898/TTr-UBND ngày 15/02/2023;

2. Ngày 9/3/2023, Thường trực Hội đống nhân dân tĩnh đã có Công văn số 58/HĐND-TT, Thống nhất với đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ cho chủ rừng để thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Nghệ An do UBND tỉnh trình;

3. Ngày 09/3/3023, UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì xây dựng Dự thảo Nghị quyết tại Công văn số 1570/UBND-NN của về việc thực hiện xây dựng bước 2 Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho chủ rừng để thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

4. Sở Nông nghiệp và PTNT đã thành lập Tổ soạn thảo tại Quyết định số 111/QĐ-SNN.KL ngày 10/3/2023 và tổ chức soản thảo dự thảo Nghị quyết.

5. Dự thảo Nghị quyết đã được xin ý kiến của các Sở, ngành có liên quan và các đối tượng chịu tác động của Nghị quyết, đăng tải xin ý kiến tại Cổng thông tin điện tử của tỉnh; đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số ......./STP-VB ngày / /2023, Sở Nông nghiệp và PTNT đã báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số......../BC-SNN.KL ngày / /2023.

**4. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết**

***- Đối tượng áp dụng của Nghị quyết:* (**1) Ban quản lý rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng phòng hộ nơi không thành lập tổ chức kiểm lâm; doanh nghiệp nhà nước, tổ chức không thuộc lực lượng vũ trang được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng và đất rừng có tổ chức lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; (2) Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng là lao động hợp đồng của các chủ rừng; (3) Các Sở, ban, ngành và các tổ chức cá nhân khác có liên quan.

***- Phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết:*** Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ cho chủ rừng để thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**5. Mục tiêu, nội dung chính sách trong dự thảo Nghị quyết**

***- Mục tiêu chính sách:*** Tạo nguồn kinh phí quản lý bảo vệ rừng ổn định cho các chủ rừng sử dụng lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng là lao động hợp đồng để thực hiện quản lý bảo vệ rừng đối với diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất là rừng tự nhiên; góp phần thực hiện tốt mục tiêu bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có trên địa bàn tỉnh; đảm bảo hoạt động của lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng là lao động hợp đồng để thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng.

***- Nội dung của chính sách***

+ Điều kiện hỗ trợ: Các chủ rừng sử dụng Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng là lao động hợp đồng để thực hiện quản lý bảo vệ rừng đối với diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất là rừng tự nhiên chưa được bố trí nguồn kinh phí quản lý bảo vệ rừng hoặc đã được bố trí nhưng đơn giá thấp hơn 300.000 đồng/ha/năm.

+ Mức hỗ trợ: Đối với diện tích chưa được bố trí nguồn kinh phí quản lý bảo vệ rừng thì hỗ trợ mức 300.000 đồng/ha/năm. Đối với diện tích đã được bố trí kinh phí bảo vệ rừng từ chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, các chương trình dự án, nguồn vốn hợp pháp khác nhưng tổng đơn giá đã hỗ trợ nhỏ hơn: 300.000 đồng/ha/năm thì hỗ trợ bổ sung để đạt mức 300.000 đồng/ha/năm.

+ Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bảo vệ rừng cho Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng theo quy định tại Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ và Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

**6. Tổ chức thực hiện Nghị quyết**

1.Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**7. Thời gian dự kiến đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua**

Dự kiến trình kỳ họp giữa năm 2023

**8. Dự kiến nguồn lực thực hiện Nghị quyết.**

Tổng nhu cầu vốn mỗi năm 40.850,06 triệu đồng.

Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn ngân sách tỉnh đảm bảo mỗi năm tối thiểu 15.000,00 triệu đồng; Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác bao gồm: Nguồn kinh phí dịch vụ môi trường rừng mỗi năm dự kiến 5.005,62 triệu đồng; Nguồn sự nghiệp kinh tế Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững mỗi năm dự kiến 7.312,02 triệu đồng; Nguồn chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung bộ, mỗi năm dự kiến 13.532,42 triệu đồng.

*(Có dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, phụ lục và các tài liệu có liên quan kèm theo)*

Kính đề nghị UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Phó Giám đốc Sở: Chị Nhung;  - Phòng KH-TC;  - Chi cục Kiểm lâm;  - Lưu: VT, CCKL. | **GIÁM ĐỐC**  **Phùng Thành Vinh** |